**PHỤ LỤC II**

MẪU BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI PHIM
*(Kèm theo Thông tư số    /2023/TT-BVHTTDL ngày    tháng    năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN LOẠI PHIM***(Bộ VHTTDL hoặc tỉnh/thành phố)***-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI PHIM VIỆT NAM
(Lần…)**

*(Địa danh), ngày   tháng   năm*

Họ và tên các thành viên tham gia thẩm định:

Tên bộ phim thẩm định:

Tên phim tiếng Anh *(nếu có):*

Loại hình phim *(truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình, phim ngắn, phim kết hợp nhiều loại hình):*

Quốc gia sản xuất (cân nhắc vì có những phim là hợp tác sản xuất giữa Việt Nam và các nước khác)

Năm sản xuất:

Tổ chức/cá nhân sản xuất:

Tổ chức/cá nhân phát hành:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số):*

Độ dài *(tính bằng phút):*

|  |  |
| --- | --- |
| Màu sắc *(màu hoặc đen trắng):* | Ngôn ngữ: |

Chủ sở hữu phim:

Do tổ chức/cá nhân…………………………………đề nghị thẩm định.

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG:**………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Số người đồng ý phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi (P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Số người đồng ý phim được phổ biến đến người xem với giới hạn độ tuổi, giới hạn phạm vi phổ biến hoặc phải cắt sửa (nếu có): | □ |
| 7. Số người đồng ý phim không được phép phổ biến (C): | □ |

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:**

*(Không được phép phổ biến/ được phổ biến - mức độ phân loại)*

**Mức độ phân loại:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Mọi độ tuổi (loại P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Phim không được phép phổ biến (loại C) | □ |

**Nội dung hiển thị cảnh báo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN LOẠI PHIM***(Bộ VHTTDL hoặc tỉnh/thành phố)***-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI PHIM NHẬP KHẨU
(Lần…)**

*(Địa danh), ngày    tháng     năm*

Họ và tên các thành viên tham gia thẩm định:

Tên phim tiếng Việt:

Tên phim tiếng Anh *(nếu có):*

Tên phim gốc *(nếu có):*

Loại hình phim *(truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình, phim ngắn, phim kết hợp nhiều loại hình):*

|  |  |
| --- | --- |
| Quốc gia sản xuất: | Năm sản xuất: |

Tổ chức/cá nhân sản xuất:

Biên kịch:

Đạo diễn:

|  |  |
| --- | --- |
| Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số):* | Độ dài *(tính bằng phút):* |
| Màu sắc *(màu hoặc đen trắng):* | Ngôn ngữ: |

Chủ sở hữu phim:

Tổ chức/cá nhân sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Thời hạn sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Do tổ chức/cá nhân…………………………………đề nghị thẩm định.

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG:**………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Số người đồng ý phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi (P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Số người đồng ý phim được phổ biến đến người xem với giới hạn độ tuổi, giới hạn phạm vi phổ biến hoặc phải cắt sửa (nếu có): | □ |
| 7. Số người đồng ý phim không được phép phổ biến (C): | □ |

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:**

*(Không được phép phổ biến/ được phổ biến - mức độ phân loại)*

**Mức độ phân loại:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Mọi độ tuổi (loại P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Phim không được phép phổ biến (loại C) | □ |

**Nội dung hiển thị cảnh báo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN LOẠI PHIM THAM GIA LIÊN HOAN PHIM, LIÊN HOAN PHIM CHUYÊN NGÀNH, CHUYÊN ĐỀ, GIẢI THƯỞNG PHIM, CUỘC THI PHIM, CHƯƠNG TRÌNH PHIM, TUẦN PHIM TẠI VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI***(Bộ VHTTDL hoặc tỉnh/thành phố)***-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI PHIM****THAM GIA LIÊN HOAN PHIM, LIÊN HOAN PHIM CHUYÊN NGÀNH,****CHUYÊN ĐỀ, GIẢI THƯỞNG PHIM, CUỘC THI PHIM, CHƯƠNG TRÌNH PHIM,****TUẦN PHIM TẠI VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI
(Lần…)**

……., ngày     tháng     năm

Họ và tên các thành viên tham gia thẩm định:

Tên phim tiếng Việt:

Tên phim tiếng Anh *(nếu có):*

Tên phim gốc *(nếu có):*

Loại hình phim *(truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình, phim ngắn, phim kết hợp nhiều loại hình):*

|  |  |
| --- | --- |
| Quốc gia sản xuất: | Năm sản xuất: |

Tổ chức/cá nhân sản xuất:

Biên kịch:

Đạo diễn:

|  |  |
| --- | --- |
| Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số):* | Độ dài *(tính bằng phút):* |
| Màu sắc *(màu hoặc đen trắng):* | Ngôn ngữ: |

Chủ sở hữu phim:

Tổ chức/cá nhân sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Thời hạn sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Do tổ chức/cá nhân…………………………………đề nghị thẩm định.

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG:**………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Số người đồng ý phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi (P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Số người đồng ý phim được phổ biến đến người xem với giới hạn độ tuổi, giới hạn phạm vi phổ biến hoặc phải cắt sửa (nếu có): | □ |
| 7. Số người đồng ý phim không được phép phổ biến (C): | □ |

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:**

*(Không được phép phổ biến/ được phổ biến - mức độ phân loại)*

**Mức độ phân loại:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Mọi độ tuổi (loại P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Phim không được phép phổ biến (loại C) | □ |

**Nội dung hiển thị cảnh báo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN LOẠI PHIM TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI PHIM****TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG
(Lần…)**

……., ngày     tháng    năm

Họ và tên các thành viên tham gia thẩm định:

Tên phim tiếng Việt:

Tên phim tiếng Anh *(nếu có):*

Tên phim gốc *(nếu có):*

Loại hình phim *(truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình, ngắn, kết hợp nhiều loại hình):*

|  |  |
| --- | --- |
| Quốc gia sản xuất: | Năm sản xuất: |

Tổ chức/cá nhân sản xuất:

Biên kịch:

Đạo diễn:

|  |  |
| --- | --- |
| Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số):* | Độ dài *(tính bằng phút):* |
| Màu sắc *(màu hoặc đen trắng):* | Ngôn ngữ: |

Chủ sở hữu phim:

Tổ chức/cá nhân sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Thời hạn sở hữu quyền phát hành tại Việt Nam:

Do tổ chức/cá nhân…………………………………đề nghị thẩm định.

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG:**………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Số người đồng ý phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi (P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Số người đồng ý phim được phổ biến đến người xem với giới hạn độ tuổi, giới hạn phạm vi phổ biến hoặc phải cắt sửa (nếu có): | □ |
| 7. Số người đồng ý phim không được phép phổ biến (C): | □ |

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:**

*(Không được phép phổ biến/ được phổ biến - mức độ phân loại)*

**Mức độ phân loại:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Mọi độ tuổi (loại P): | □ |
| 2. Người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ (loại K): | □ |
| 3. Người xem từ đủ 13 tuổi trở lên (loại T13): | □ |
| 4. Người xem từ đủ 16 tuổi trở lên (loại T16): | □ |
| 5. Người xem từ đủ 18 tuổi trở lên (loại T18): | □ |
| 6. Phim không được phép phổ biến (loại C) | □ |

**Nội dung hiển thị cảnh báo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng***(ký, ghi rõ họ tên)* |